TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30- 11 -2021
V/v: Tranh chấp Ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Tuấn và bà Trần Thị M Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânh huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Nguyễn Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2021 và ngày 30/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:103/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-ST ngày13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc T, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Số 498, phố X, phường Đ, quận Đ1, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: Khu1A, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng H có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vào ngày 07/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ đẻ chị tại Số nhà 498, phố X, phường Đ, quận Đ1, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Đến tháng 9/2016 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm tới vợ con, đi đâu, làm gì không nói cho chị biết, nợ nần nhiều lần do làm ăn thua lỗ và chơi bời. Những lần anh H vay nợ trước chị và gia đình đã đứng ra để trả hết nợ. Gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải cho hai vợ cH nhưng anh H cũng không thay đổi. Hiện nay chị và bố mẹ để chị thường xuyên bị chủ nợ nhắn

tin gọi điện đến nhà để đòi tiền mà anh H vay nợ. Việc này anh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của chị, các con của chị và bố mẹ đẻ chị, ảnh hưởng đến công việc của chị. Vợ cH chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ cH không còn. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại biên bản hòa giải chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày: Anh xác định thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T là đúng. Trước khi kết hôn vợ cH có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Vợ cH anh phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2016 và nguyên nhân vợ cH mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Anh xác định do làm ăn thua lỗ và chơi bời nên phải vay nặng lãi và vay ngân hàng. Anh xác định đây là khoản vay riêng của anh và anh cũng đang cố gắng trả nợ. Từ khi cưới đến nay anhchưa bao giờ đánh, chửi bới vợ và bố mẹ vợ. Đến tháng 5/2021 anh về sống với bố mẹ đẻ ở khu 1A, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và vợ cH anh sống ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Hồng có quan điểm của anh là anh chưa đồng ý ly hôn lúc này. Tại phiên tòa và trong đơn đề nghị ngày 24/11/2021 anh H thay đổi quan điểm đồng ý ly hôn.

Về con chung:

Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trọng H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Thanh T1, sinh ngày 21/9/2016 và cháu Nguyễn Hồng Thanh M, sinh ngày 30/12/2019.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại biên bản hòa giải Chị T đề nghị được nuôi hai cháu T1 và M và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, phiên tòa ngày 15/11/2021 anh H đề nghị được nuôi hai cháu T1 và M và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn đề nghị ngày 24/11/2021 anh H thay đổi quan điểm đề nghị để chị T trực tiếp nuôi hai con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về vay nợ chung và về công sức đóng góp: Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trọng H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viênViện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình 2014;Điều 147; điểm b, Khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Chấp nhận cho chị Trịnh Thị Ngọc T ly hôn anh Nguyễn Trọng H.

Giao cháu Nguyễn Hồng Thanh T1, sinh ngày 21/9/2016 và cháu Nguyễn Hồng Thanh M, sinh ngày 30/12/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1, cháu M cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: Chị Trịnh Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Trọng H và đề nghị được nuôi hai con chung. Đây là tranh chấp về "Ly hôn và con chung" nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn trú tại: Khu 1A, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

Tại phiên tòa ngày 15/11/2021, Nguyên đơn chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Sau đó tại phiên tòa ngày 15/11/2021 bị đơn anh H đề nghị tạm ngừng phiên tòa và được Tòa án chấp nhận. Phiên tòa xét xử ngày 30/11/2021, nguyên đơn chị T và bị đơn anh H đều vắng mặt tại phiên tòa, cả chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trọng H là hôn nhân hợp pháp. Hai vợ cH đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ít quan tâm đến vợ con, đi đâu, làm gì không nói cho chị T biết. Anh H làm ăn và chơi bời nên nhiều lần phải vay nợ. Dù vài lần chị T và gia đình hai bên đã đứng ra trả nợ thay anh H nhưng anh H không thay đổi, vẫn tiếp tục nợ nần. Chị T và anh H đã sống ly thân với nhau.

Ngoài ra, chị T còn khai rằng, hiện nay chủ nợ thường xuyên gọi điện, nhắn tin cho chị T, dán tờ rơi quanh nhà bố mẹ đẻ chị T để đòi anh H. Và việc này anh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của chị, các con của chị và bố mẹ đẻ chị, ảnh hưởng đến công việc của chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ cH không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải thì anh H có quan điểm không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 30/11/2021 và tại đơn đề nghị ngày 24/11/2021 thì anh H có quan điểm đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

2.2. Về con chung:

Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trọng H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Thanh T1, sinh ngày 21/9/2016 và cháu Nguyễn Hồng Thanh M, sinh ngày 30/12/2019. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng với chị T tại số 498, phố Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị T cung cấp bảng lương hàng tháng của chị khoảng hơn 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/ tháng. Chị T cũng là giáo viên nên có điều kiện thuận lợi trong phương thức chăm sóc, giáo dục con cái. Chị T có đề nghị được nuôi hai con chung. Ngày 24/11/2021 anh H có đơn đề nghị Tòa án giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hồi đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu T1 và cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị. Vì vậy, xét thấy là phù hợp và cần chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung, về vay nợ chung, về công sức đóng góp: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

2.5. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc T

- Cho chị Trịnh Thị Ngọc T ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.
- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hồng Thanh T1, sinh ngày 21/9/2016 và cháu Nguyễn Hồng Thanh M, sinh ngày 30/12/2019 cho chị Trịnh Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Trịnh Thị Ngọc T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Trọng H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Tòa án số AA/2019/0001528 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND phường Đ1;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng